

Mẫu số 09a-CK/TSC

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Đức Xương

Loại hình đơn vị:

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2023**

[illegible]

[illegible]

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m ²))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Sử dụng khác	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Trụ sở làm việc UBND xã	5.733,07	15,479,289	5.733,07						2017	876,72	4,562,000	3,467,120	876,72							
2	Nhà làm việc UBND xã cũ	2.940	7,938,000	2.940						2009	150	96,745	56,435	150							
3	Nhà hội trường UBND xã									2019	442,62	5,199,555	3,847,670	442,62							
4	Nhà VH thôn Thọ Xương	4.004	7,207,200		4,004					2004	123	329,412	0		123						
5	Nhà VH thôn An Cư	1.453	2,615,400		1,453					2004	123	293,474	0		123						
6	Nhà VH thôn An Vệ	1.227	2,208,600		1,227					2020	180	1,195,415	1,040,011		180						
7	Nhà làm việc trạm y tế xã cũ	2.498	4,496,400		2,498					1997	140	132,000	0		140						
8	Nhà làm việc trạm y tế xã									2007	108	161,809	4,045		108						
9	Nghĩa trang liệt sỹ	1213	3,275,100		1,213					2005	1213	566,776	0		1213						
	Tổng cộng:	19068.07	43,219,989	8.673,07	10395						1.771,34	12,537,186	8,415,281	1.469,34	1887						

Bộ, tỉnh:Hải Dương

Cơ quan quản lý cấp trên:UBND huyện Gia Lộc

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản:UBND xã Đức Xương

Mã đơn vị:1039273

Loại hình đơn vị:

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC
NĂM 2023

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô													
1	Xe 1													
2	Xe 2													
	...													
II	Tài sản cố định khác													
1	Máy vi tính	Bí thư ĐU	1	10,000	10,000		4,000		x					
2	Máy vi tính	Phó bí thư TT ĐU	1	10,000	10,000		4,000		x					
3	Máy vi tính	VP đảng ủy	1	10,000	10,000		4,000		x					
4	Máy vi tính	Chủ tịch MTTQ	1	10,000	10,000		4,000		x					

5	Máy vi tính	Phó CT HEND	1	10,000	10,000		4,000		x					
6	Máy vi tính	Bí thư đoàn	1	10,000	10,000		4,000		x					
7	Máy vi tính	Chủ tịch hội PN	1	10,000	10,000		4,000		x					
8	Máy vi tính	Chủ tịch hội ND	1	10,000	10,000		4,000		x					
9	Máy vi tính	Chủ tịch hội CCB	1	10,000	10,000		4,000		x					
10	Máy vi tính	Trưởng CA	1	10,000	10,000		4,000		x					
11	Máy vi tính	CHT quân sự	1	10,000	10,000		4,000		x					
12	Máy vi tính	Chủ tịch UBND	1	10,000	10,000		4,000		x					
13	Máy vi tính	Phó CT UBND	1	10,000	10,000		4,000		x					
14	Máy vi tính	VHXX xã	1	10,000	10,000		4,000		x					
15	Máy vi tính	Văn phòng UBND	1	10,000	10,000		4,000		x					
16	Máy vi tính	Tư pháp - Hộ tịch	1	10,000	10,000		4,000		x					
17	Máy vi tính	TC-KT	1	10,000	10,000		4,000		x					
18	Máy vi tính	Địa chính - XD	1	10,000	10,000		4,000		x					
19	Máy điều hòa Casper 12000	MTTQ	1	8,000		8,000	5,000		x					
20	Máy điều hòa Casper 12000 Thái lan R410A	VP đảng ủy	1	8,000		8,000	5,000		x					

21	Máy điều hòa Casper 12000 Thái Lan R410A	BT ĐU	1	8,000		8,000	5,000		x					
22	Máy điều hòa Casper 12000 Thái lan R410A	PBT TT	1	8,000		8,000	5,000		x					
23	Máy điều hòa Casper 12000 Thái Lan R410A	PCT HĐND	1	8,000		8,000	5,000		x					
24	Máy điều hòa Casper 12000 Thái lan R410A	CT UBND	1	8,000		8,000	5,000		x					
25	Máy điều hòa Casper 12000 Thái Lan R410A	PCT UBND	1	8,000		8,000	5,000		x					
26	Máy điều hòa Casper 12000 Thái lan R410A	TC-KT	1	8,000		8,000	5,000		x					
27	Máy điều hòa Casper 12000 Thái Lan R410A	VP UBND	2	16,000		16,000	10,000		x					
28	Máy điều hòa Hitachi 12000	Hội trường	14	101,220		101,220	75,915							
29	Bàn làm việc	UBND	18	223,300	223,300		83,737		x					
30	Bàn ghế hội trường	UBND	350	985,000	985,000		369,375		x					
31	Ghế ngồi	UBND	44	131,565	131,565		49,336		x					
32	Ghế xoay	UBND	18	66,000	66,000		24,750		x					
33	bàn ghế đồng ky	UBND	5	154,000	154,000		57,750		x					
34	Tủ đựng tài liệu	UBND	19	158,800	158,800		59,550		x					

35	Bàn ghế phòng họp	UBND	30	169,381	169,381		63,517		x					
----	-------------------	------	----	---------	---------	--	--------	--	---	--	--	--	--	--

Mẫu số 09d-CK/TSC

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Đức Xương

Loại hình đơn vị:

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2023

[illegible]

Mẫu số 09đ-CK/TSC

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Đức Xương

Loại hình đơn vị:

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2023**

[illegible]